TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 09 – 03 – 2018.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Nhã

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Mộng N, sinh năm 1990.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 07 tháng 12 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Tô Thị Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Tô Thị Mộng Nghị và anh Nguyễn Thanh Đ (sau đây gọi tắt là Chị N, Anh Đ) đăng ký kết hôn tại UBND xã An Minh Bắc (huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang), ngày 28/01/2016. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do Anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm

vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị N yêu cầu được ly hôn với Anh Đ.

Về con chung: Chị N và Anh Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Bảo Cầm, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016, giới tính nữ. Trước khi về nhà mẹ ruột sống, chị Nghị hỏi mẹ chồng là bà Dương Thị Lệ (sau đây gọi tắt là bà Lệ) mượn cháu Bảo về nhà cha mẹ ruột chơi vài bữa nhưng bà Lệ không cho và ngăn cản khi Chị N đến thăm con. Vợ chồng ly hôn Chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N và Anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung như Chị N trình bày, nếu Tòa án giải quyết ly hôn Anh Đ yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k được cho trong ngày cưới, hiện Chị N đang quản lý sử dụng. Nhưng Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn của Chị N và Anh Đ (bản gốc); 01 giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Bảo Cầm (phô tô); Tờ tường trình ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chị N về việc bà Lệ ngăn cản không cho Chị N thăm con; Đơn yêu cầu ngày 18 tháng 12 năm 2017; Biên bản hòa giải tại cơ sở ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bị đơn Anh Đ cung cấp: Bản tự khai và Tờ tường trình ngày 23 tháng 02 năm 2018; Tờ tường trình ngày 26 tháng 12 năm 2017 của bà Dương Thị Lệ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Anh Đ không đồng ý lý hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn Anh Đ yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Chị N và Anh Đ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Hiện con của Anh Đ, Chị N do bà Dương Thị Lệ (là mẹ ruột của Anh Đ) nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đây tranh chấp liên quan đến các quyền nhân thân giữa vợ và chồng, nên Tòa án xét thấy không cần thiết đưa bà Lệ vào tham gia tố tụng.

[2]. **Về quan hệ pháp luật**: Tranh chấp giữa Chị N và Anh Đ là tranh chấp

ly hôn và nuôi con chung. Cụ thể Chị N yêu cầu được ly hôn với Anh Đ và nuôi con chung.

[3]. **Về nội dung tranh chấp**:

Về Hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Tô Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh Đ là hợp pháp. Xét yêu cầu và lời trình bày của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình chung sống, do Anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên Chị N và Anh Đ xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng ly thân.

Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử động viên, giải thích và Anh Đ cũng xin được hàn gắn nhưng Chị N kiên quyết xin ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị N và Anh Đ đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoảng 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho Chị N được ly hôn với Anh Đ.

Về con chung:

Xuất phát từ tình thương của cha mẹ đối với con chung, nên Anh Đ và Chị N đều có nguyện vọng được nuôi con.

Hiện Anh Đ đang làm nghề tài xế tại Phú Quốc nên để con chung lại cho mẹ ruột là bà Dương Thị Lệ nuôi dưỡng.

Theo Chị N trình bày, trong thời gian bà Lệ nuôi dưỡng cháu Cầm, Chị N nhiều lần đến thăm con nhưng bị mẹ chồng (là bà Lệ) xua đuổi, ngăn cản, không cho gặp mặt con. Điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận trong tờ tường trình của Chị N.

Theo đơn trình bày ngày 26 tháng 12 năm 2017 và biên bản hòa giải tại địa phương ngày 31 tháng 12 năm 2017 bà Lệ trình bày lý do không giao cháu Bảo Cầm cho Chị N, mục đích là đợi Anh Đ về giải quyết. Khi nào Tòa án giải quyết xong sẽ giao con chung lại cho Chị N.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Dù thương con cháu nhưng hành vi của bà Lệ ngăn cản không cho Chị N đến thăm nom, chăm sóc con chung của Chị N và Anh Đ là không đúng. Vì đây là con chung của Chị N và Anh Đ, không ai có quyền ngăn cản cha hoặc mẹ đến thăm con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình (ngoại trừ bị Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó). Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì con chung dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Hiện nay Chị N làm nghề tóc và vá lưới có thu nhập ổn định, có điều kiện

để nuôi con. Đối với Anh Đ hiện đang làm nghề tài xế xe tại Phú Quốc, khoảng 01 tháng mới về nhà một lần, ít có điều kiện quan tâm, chăm sóc con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho Chị N nuôi dưỡng, Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Tại phiên tòa, Chị N và Anh Đ thừa nhận vợ chồng được 10 chỉ vàng 24k trong ngày cưới. Nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm**: Chị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tô Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo Cầm, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2016, giới tính nữ, cho Chị N nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Nhưng cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của Chị N.

3. Về chia tài sản chung: Chị N và Anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0006759, ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh